TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số : 38/2018/DS-ST
Ngày : 24-7-2018
V/V tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đặng Văn Bé

Ông Đinh Ngọc Dình

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ngọc Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý 03/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2018 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim H. Địa chỉ: hẻm A, khu phố B, thị trấn V, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H. Địa chỉ: ấp X, thị trấn V, huyện T, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền đề ngày 13/12/2017.

Bị đơn: Ông Tô Hoàng Trung.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị Mỹ P.
Cùng địa chỉ: hẻm A, khu phố B, thị trấn V, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2017 của bà Nguyễn Thị Kim H và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Kim H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15 tháng 9 năm 2015 (AL), bà H có cho ông T vay 40.000.000 đồng, hẹn một tháng trả vốn, hai bên thỏa thuận miệng mức lãi suất là 5%/tháng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng. Sau đó ông T trả được 05 tháng tiền lãi (bắt đầu từ 15/10/2015- 15/02/2016), số tiền lãi là 10.000.000 đồng.

Đến ngày 09/01/2016 (AL) ông T có vay thêm là 50.000.000 đồng tiền vốn, hẹn một tháng trả vốn, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 5%/tháng, mỗi tháng trả 2.500.000 đồng. Sau đó ông T trả được 02 tháng tiền lãi, số tiền là 5.000.000 đồng (vào ngày 09/02/2016 và 09/3/2016).

Tổng cộng, ông T vay của bà H 02 lần với số tiền vốn là 90.000.000 đồng. Cả hai lần vay ông T đều có ký giấy nhận tiền. Nay bà H yêu cầu ông T và bà P phải liên đới trả cho bà số tiền vốn vay là 90.000.000 đồng vì đây là khoảng vay để vợ chồng ông T trồng thanh long. Số tiền lãi 15.000.000 đồng bà H đã nhận từ ông T, bà H không đồng ý khấu trừ vào vốn.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý khấu trừ số tiền lãi tính theo quy định còn dư vào vốn cho ông T.

Ông Tô Hoàng T là bị đơn trình bày: Qua lời trình bày của bà H là không đúng. Vào ngày 15/9/2015 (AL) ông có vay của bà H 40.000.000 đồng mục đích để cá độ bóng đá (đá banh), việc mượn tiền để đá banh bà H cũng biết, khi vay 40.000.000 đồng thì ông phải trả 12.000.000 đồng tiền lãi mỗi tháng, ông đã đóng tiền lãi cho bà H 03 tháng, số tiền là 36.000.000 đồng. Khoảng ba tháng sau ông có vay thêm bà H 10.000.000 đồng thì bà Huệ cộng tổng số tiền vốn vay 10.000.000 đồng + 40.000.000 đồng thành 50.000.000 đồng tiền vốn vay, mỗi tháng trả 15.000.000 đồng tiền lãi, ông trả 18 tháng tiền lãi, số tiền là 270.000.000 đồng. Ông xác định chỉ nợ bà H tổng cộng là 50.000.000 đồng chứ không phải là 90.000.000 đồng như bà H khởi kiện. Đối với hai giấy mượn tiền thì do ông ghi và ký tên.

Vào tháng 01/2017 đến tháng 7/2017 giữa ông và bà H có thỏa thuận mỗi tháng ông trả 1.000.000 đồng tiền vốn (trên tổng số tiền vốn 50.000.000 đồng), số tiền ông trả được là 7.000.000 đồng.

Nay ông chỉ đồng ý trả cho bà Huệ 50.000.000 đồng vốn vay, nhưng khấu trừ 15.000.000 đồng tiền lãi ông đã trả cho bà H. Vì vậy ông đồng ý trả cho bà H 35.000.000 đồng tiền vốn. Nay do hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi xong nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 25/01/2018 và đối chất ngày 12/3/2018 bà Phan Thị Mỹ P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Khi ông T vay nợ bà H thì bà không hay biết, đến khi có tin nhắn đòi nợ thì bà mới biết ông T có nợ bà H. Nay bà đồng ý theo lời trình bày của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án dân sự Thẩm phán tuân thủ các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Những người tham gia phiên tòa: Bà H, ông T thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bà P không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà H yêu cầu ông T và bà P phải liên đới trả nợ vốn vay là 90.000.000 đồng, bà H đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận vượt quá quy định vào nợ vốn. Ông T chỉ đồng ý trả cho bà H 50.000.000 đồng vốn vay, ông T không

đồng ý trả 40.000.000 đồng vốn vay, vì ông đã trả cho bà H xong. Tuy nhiên, ông T không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh đã trả 40.000.000 đồng vốn vay cho bà H nên cần buộc ông T và bà P trả 90.000.000 đồng và bà H đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận vượt quá quy định vào vốn.

Tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ của vụ án và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Kim H khởi kiện ông Tô Hoàng T và bà Phan Thị Mỹ P về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà P vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà P.

[2] Về nội dung vụ án: Qua hòa giải và đối chất bà H khởi kiện yêu cầu ông T, bà P phải liên đới trả 90.000.000 đồng tiền vốn vay, không tính lãi thì ông T, bà P không đồng ý. Ông T cho rằng ông có vay hai lần là 90.000.000 đồng và đã trả cho bà H số nợ 40.000.000 đồng là khoảng vay thứ nhất, ông chỉ còn nợ bà H 50.000.000 đồng khoảng vay thứ hai nhưng bà H không thừa nhận, ông T không có tài liệu gì chứng minh đã trả 40.000.000 đồng vốn vay cho bà H cũng như số tiền lãi đã trả nhiều lần cho bà H, nên cần buộc ông T và bà P phải liên đới trả cho bà H 90.000.000 đồng theo quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, do số tiền vay hai bên xác lập giao dịch trước khi Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực và bà H đồng ý khấu trừ phần tiền lãi đã nhận là 15.000.000 đồng của hai khoảng vay vượt quá quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 nên phần tiền lãi đã nhận cần điều chỉnh lại như sau:

40.000.000 đồng x 0,75% x 5 tháng = 1.500.000 đồng

50.000.000 đồng x 0,75% x 02 tháng = 750.000 đồng

90.000.000 đồng- [(10.000.000 đồng -1.500.000 đồng) + (5.000.000 đồng - 750.000 đồng)] = 77.250.000 đồng

Quan điểm của Viện kiểm sát: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông T, bà P là có căn cứ.

[3] Về án phí: Ông T, bà P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% giá trị tài sản tranh chấp của 77.250.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và các điều 288, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông Tô Hoàng T và bà Phan Thị Mỹ P.

Buộc ông Tô Hoàng T và bà Phan Thị Mỹ P phải liên đới thanh toán cho Nguyễn Thị Kim H số tiền vốn vay là 77.250.000 đồng (bảy mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Tô Hoàng T và bà Phan Thị Mỹ P phải liên đới nộp 3.862.500 đồng (ba triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.250.000 (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002008 ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

3. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự
-Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí